**BỒI DƯỠNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH**

**NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN THCS HẠNG II**

**----------------------------------------**

**ĐỀ CƯƠNG BÀI GIẢNG**

***Chuyên đề 9***

**SINH HOẠT TỔ CHUYÊN MÔN VÀ CÔNG TÁC BỒI DƯỠNG**

# GIÁO VIÊN TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

 ***ThS. NGUYỄN THỊ HẢI VÂN***

# I. MỤC TIÊU

Sau khi học xong chuyên đề này, học viên cần:

**1. Kiến thức**

- Trình bày được vai trò, vị trí và chức năng nhiệm vụ của tổ chuyên môn;

- Phân tích được tầm quan trọng và cách triển khai hoạt động chuyên môn,bồi dưỡng GV trong tổ chuyên môn;

- Phân tích được cách thức triển khai hoạt động nghiên cứu sư phạm ứng dụng trong tổ chuyên môn;

**2. Kĩ năng**

- Tổ chức hoạt động chuyên môn và bồi dưỡng GV trong tổ chuyên môn;

- Tổ chức hoạt động nghiên cứu sư phạm ứng dụng trong tổ chuyên môn;

- Làm việc nhóm trong sinh hoạt chuyên môn;

**3. Thái độ, hành vi**

- Tham gia tích cực chủ động sinh hoạt chuyên môn;

- Có ý thức hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp trong sinh hoạt chuyên môn nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong dạy học ở nhà trường.

# II. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Cao Đàm (2005) *Phương pháp luận Nghiên cứu Khoa học*. Nxb Khoa học và Kĩ thuật, 2005.
2. Vũ Cao Đàm (2004) Đ*ánh giá Nghiên cứu Khoa học*. Nxb Khoa học và Kĩ thuật.
3. Dự án Việt Bỉ (20120. *Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng*. NXBĐHSP
4. Bộ giáo dục và đào tạo (8/2015). *Tài liệu tập huấn: Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo khoa học kĩ thuật dành cho học sinh trung học.*
5. Bộ GD&ĐT (2011), *Điều lệ trường Trung học Cơ sở, trường Trung học Phổ thông và trường Phổ thông có nhiều cấp học* (Ban hành kèm theo thông tư số 12/2011/TT- BGDĐT ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)
6. Bộ GD&ĐT (2014), *Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng***.**
7. Bộ GD&ĐT (2015), *Tài liệu tập huấn đổi mới sinh hoạt chuyên môn (dùng cho cán bộ quản lý, giáo viên Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Giáo dục thường xuyên),* NXB ĐHSP Hà Nội.
8. Bộ GD&ĐT (2011), *Tài liệu tập huấn công tác tổ trưởng chuyên môn các trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông,* Lưu hành nội bộ.

**III. MÔ TẢ NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số tiết**  |
| ***Tổng***  | ***Lý thuyết***  | ***Thảo luận, thực hành***  |
| 1 | 1. Hoạt động tổ chuyên môn 1.1. Tổ CM và sinh hoạt tổ CM1.2. Vai trò, vị trí của tổ chuyên môn ở trường THCS; 1.3. Chức năng nhiệm vụ của tổ chuyên môn | **04** | **02** | **02** |
| **2** | 2. Tổ chuyên môn với hoạt động chuyên môn và bồi dưỡng giáo viên 2.1. Tạo lập môi trường tự học, tự bồi dưỡng và hợp tác chia sẻ; 2.2. Tổ nhóm chuyên môn và tổ chức thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và giáo dục THCS; 2.3. Tổ chuyên môn với công tác bồi dưỡng giáo viên tập sự và bồi dưỡng giáo viên tại trường, tập huấn giáo viên THCS; 2.4. Kết hợp các phương thức với sự hỗ trợ bồi dưỡng trực tuyến và khai thác mã nguồn mở; 2.5. Giao lưu học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm giáo dục THCS giữa các cơ sở giáo dục.  | **08** | **05** | **03** |
| **3** | **3. Tổ chuyên môn với việc phát triển nghiên cứu khoa học sư phạm (KHSP) ứng dụng** 3.1. Xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu KHSP ứng dụng trong kế hoạch hoạt động nâng cao năng lực giáo viên và chất lượng giáo dục cấp THCS; 3.2. Tổ chuyên môn với việc phát hiện vấn đề và xác định chủ đề nghiên cứu KHSP ứng dụng; 3.3. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu KHSP ứng dụng; 3.4. Đánh giá kết quả và tổ chức triển khai vận dụng kết quả nghiên cứu KHSP 0ứng dụng trong hoạt động giáo dục ở trường THCS.  | **08** | **05** | **03** |

**IV. NỘI DUNG CHUYÊN ĐỀ**

1. **Hoạt động của tổ chuyên môn**

***1.1.Khái niệmtổ chuyên môn và sinh hoạt chuyên môn***

***1.1.1. Tổ chuyên môn***

Theo thông tư số 12/2011/QĐ-BGD&ĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học, quy định ở Điều 16:

“*Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, GV, viên chức làm công tác thư viện, thiết bị giáo dục, cán bộ làm công tác tư vấn cho HS của trường trung học được tổ chức thành tổ chuyên môn theo môn học, nhóm môn học hoặc nhóm các hoạt động ở từng cấp học THCS, THPT. Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng, từ 1 đến 2 tổ phó chịu sự quản lý chỉ đạo của Hiệu trưởng, do Hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của tổ chuyên môn và giao nhiệm vụ vào đầu năm học*”

Như vậy theo qui định của Điều lệ có thể hiểu:

*Tổ chuyên môn (CM) là một bộ phận của nhà trường, gồm một nhóm GV (từ 3người trở lên) cùng giangr dạy về 1 môn học hay một nhóm môn học, hay một nhóm viên chức làm công tác thư viện, thiết bị giáo dục, tư vấn học đường,… được tổ chức lại để cùng nhau thực hiện các nhiệm vụ theo mục tiêu, chiến lược của tổ, của nhà trường đề ra.*

(Theo qui định tại khoản 2 điều 16 của Điều lệ nhà trường).

- Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng và từ 1-2 tổ phó, do hiệu trưởng bổ nhiệm vào đầu năm học.

- Trong trường trung học có 2 loại tổ chuyên môn phổ biến: Tổ đơn môn và tổ ghép môn, như: Tổ Văn, tổ Toán, tổ Ngoại ngữ, tổ Lí, Hóa, Thể dục, tổ Sử Địa giáo dục công dân,… trong mỗi tổ chuyên môn bao gồm các nhóm chuyên môn.

***1.1.2. Sinh hoạt tổ chuyên môn***

Sinh hoạt chuyên môn là hoạt động thường xuyên trong nhà trường, là dịp để giáo viên trao đổi chuyên môn nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy - học.

Mục đích của sinh hoạt chuyên môn là nhằm cập nhật các thông báo, văn bản chỉ đạo, đồng thời bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, giúp giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, phương pháp dạy học cho phù hợp với từng đối tượng học sinh của mình.

## 1.2.Vai trò, vị trí của tổ chuyên môn ở trường THCS

*1.2.1.Vai trò của tổ chuyên môn ở trường Trung học cơ sở (THCS)*

Tổ chuyên môn là đầu mối mà hiệu trưởng dựa vào đó để quản lý các hoạt động của tổ, cơ bản nhất là hoạt động dạy của giáo viên. Tổ chuyên môn có chức năng giúp hiệu trưởng điều hành các hoạt động sư phạm, trực tiếp quản lý lao động của giáo viên trong tổ.

Cập nhật các thông báo, văn bản chỉ đạo bổ sung; Tổ chức học tập/kiến tập/dự giờ nâng cao chất lượng dạy - học theo các chuyên đề đã xác định trong kế hoạch năm học nhằm nâng cao chất lượng dạy - học.

 Thảo luận các nội dung chuyên môn có liên quan giữa hai lần sinh hoạt chuyên môn định kỳ. Nội dung sinh hoạt chuyên môn phải cụ thể, thiết thực và do chính giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục đề xuất, thống nhất và thực hiện.

Thảo luận các bài học trong sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn học/hướng dẫn hoạt động giáo dục; thống nhất những nội dung cần điều chỉnh, làm cho nội dung các bài học trong sách giáo khoa, tài liệu học cập nhật, phù hợp với đặc điểm của học sinh, phù hợp với vùng miền; nâng cao năng lực sư phạm, năng lực nghề nghiệp cho giáo viên.

Thảo luận về việc hướng dẫn học sinh sắp xếp các dụng cụ học tập (có sẵn/tự làm) để bổ sung hoặc thay thế các dụng cụ học tập; trang trí, sắp xếp dụng cụ học tập trong góc học tập (nếu có).

Trao đổi kinh nghiệm tổ chức các hoạt động phát huy vai trò chủ động tích cực của học sinh;

Trao đổi kinh nghiệm đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh;

Các hoạt động hành chính, sự vụ,... khác trong nội dung hoạt động của tổ chuyên môn theo quy định của điều lệ/quy chế nhà trường.

*1.2.2.Vị trí của tổ chuyên môn ở trường Trung học*

Theo Công văn Số: 5555/BGDĐT-GDTrH v/v hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về trường Trung học:

a. Hội đồng trường đối với trường công lập, Hội đồng quản trị đối với trường tư thục, Hội đồng thi đua và khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, Hội đồng tư vấn khác, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các bộ phận khác (nếu có);

b. Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội.

***Tổ chuyên môn*** là một bộ phận cấu thành trong trong bộ máy tổ chức, quản lý của *trường Trung học cơ sở. Trong trường các tổ, nhóm chuyên môn có mối quan hệ hợp tác với nhau, phối hợp các các bộ phận nghiệp vụ khác như Ban bồi dưỡng chuyên môn, hội đồng khen thưởng – kỷ luật và các tổ chức Đảng, đoàn thể trong nhà trường nhằm thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường, chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục cùng các hoạt động khác hướng tới mục tiêu giáo dục****.***

Tổ chuyên môn bao gồm giáo viên, viên chức làm công tác thư viện, thiết bị giáo dục. Mỗi tổ có ít nhất 3 thành viên. Tổ chuyên môn có tổ trưởng, nếu có từ 7 thành viên trở lên thì có một tổ phó.

Chi bộ

Hiệu trưởng

Công đoàn

Hội đồng trường

Đoàn Thanh niên

Đội TNTP

P. Hiệu trưởng

Ban BD CM

HĐ Thi đua

–

KT

HĐ Kỉ luật

Tổ

chuyên

môn

Tổ

chuyên

môn

Tổ

chuyên

môn

Tổ

chuyên

môn

Tổ

chuyên

môn

Khối

V.P

# SƠ ĐỒ BỘ MÁY NHÀ TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

## 1.3.Chức năng nhiệm vụ của tổ chuyên môn

*1.3.1.Chức năng của tổ chuyên môn*

* Giúp Hiệu trưởng điều hành các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến dạy và học;
* Trực tiếp quản lý giáo viên trong tổ theo nhiệm vụ quy định.

Tổ chuyên môn là đầu mối để Hiệu trưởng quản lý nhiều mặt, nhưng chủ yếu vẫn là hoạt động chuyên môn, tức là hoạt động dạy học trong trường.

Tổ trưởng chuyên môn phải là người có khả năng xây dựng kế hoạch; điều hành tổ chức, hoạt động của tổ theo kế hoạch giáo dục, phân phối chương trình môn học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch năm học của nhà trường; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên trong tổ; đánh giá, xếp loại và đề xuất khen thưởng, kỉ luật giáo viên thuộc tổ mình quản lý.

Do đó, tổ trưởng chuyên môn phải là người có phẩm chất đạo đức tốt; có năng lực, trình độ, kinh nghiệm chuyên môn; có uy tín đối với đồng nghiệp, học sinh. Tổ trưởng chuyên môn phải là người có khả năng tập hợp giáo viên trong tổ, biết lắng nghe, tạo sự đoàn kết trong tổ, gương mẫu, công bằng, kiên trì, khéo léo trong giao tiếp, ứng xử.

*1.3.2.Nhiệm vụ của tổ chuyên môn*

Theo Điều lệ trường Trung học Cơ sở, sinh hoạt chuyên môn được tổ chức định kỳ 2 tuần/lần hoặc do yêu cầu của công việc:

* Xây dựng chương trình, tài liệu dạy học môn chuyên; nghiên cứu, áp dụng các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra - đánh giá tiên tiến vào giảng dạy, đánh giá kết quả học tập của học sinh;
* Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu; bồi dưỡng học sinh tham gia các kỳ thi học sinh giỏi và các cuộc thi về năng khiếu khác liên quan đến chuyên môn của tổ;
* Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; tổng kết, áp dụng sáng kiến - kinh nghiệm, tự làm thiết bị dạy học hàng năm của giáo viên, nhân viên và hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tạo kỹ thuật của học sinh; hướng dẫn học sinh làm quen với nghiên cứu khoa học;
* Hỗ trợ giáo viên, học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, tổng kết, áp dụng sáng kiến - kinh nghiệm, tự làm thiết bị dạy học, sáng tạo kỹ thuật.
* Xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán của tổ, nhóm chuyên môn làm nòng cốt cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường;
* Tổ chức việc bồi dưỡng phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của các thành viên trong tổ.
* Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên.

**2.Tổ chuyên môn với hoạt động chuyên môn và bồi dưỡng giáo viên**

## 2.1.Tạo lập môi trường tự học, tự bồi dưỡng và hợp tác chia sẻ

*2.1.1. Năng lực tự học, tự bồi dưỡng*

*\* Khái niệm*

 *Tự học là quá trình mà trong đó chủ thể tự biến đổi mình, tự biến đổi các giá trị của mình, tự làm phong phú giá trị của mình bằng các thao tác tư duy và ý chí, nghị lực và sự say mê học tập của cá nhân.*

*=> NL tự học, tự bồi dưỡng là một yếu tố quan trọng nhất, có tính chất quyết định đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của GV.*

*\* Các hình thức nâng cao chất lượng tự học, tự bồi dưỡng*

+ Tự học theo chương trình BD thường xuyên

+ Tự học qua các phương tiện đại chúng, sách báo, tài liệu tham khảo

+ Tự học qua dự giờ, trao đổi với đồng nghiệp

+ Tự học qua dự hội thảo, chuyên đề,…

=> Tổ CM đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV.

*2.1.2. Vì sao phải tạo lập môi trường tự học, tự bồi dưỡng, hợp tác và chia sẻ?*

- Tự học, tự bồi dưỡng là phương thức tốt nhất giúp GV tiến bộ, tự hoàn thiện bản thân, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- NL tự học, tự bồi dưỡng là một trong những yếu tố quan trọng nhất, có tính chất quyết định đến việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của GV. Nếu tạo lập được môi trường tự học, tự bồi dưỡng, đề cao sự hợp tác và chia sễ giúp GV có thêm động lực để tự học tập, trau dồi, nâng cao trình độ bản thân.

- Tổ CM đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn bằng việc xác lập môi trường hợp tác và chia sẻ giữa các thành viên.

- Vì thế hoạt động của tổ CM cần dân chủ,công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự cống của từng thành viên.

***2.2.Tổ chuyên môn với hoạt động tổ chức môi trường tự học, tự bồi dưỡng***, ***hợp tác và chia sẻ***

***2.2.1. Tổ chuyên môn với hoạt động tổ chức môi trường tự học, tự bồi dưỡng***

Tổ chuyên môn với hoạt động tổ chức môi trường tự học có thể tổ chức thông qua dưới hình thức chuyên đề (đối với cấp tổ, cấp trường) hoặc tổ chức Hội thảo (đôi với câp cụm) thông qua yêu cầu các giáo viên phải tự tìm tòi các kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Các bước tổ chức như sau:

**Bước 1: Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị**

* Giáo viên thuộc các tổ chuyên môn cần nghiên cứu kĩ tài các chuyên đề liên quan đến chuyên môn cần thiết để liệt kê danh sách dự kiến những nội dung chuyên môn, báo cáo danh sách này cho Tổ trưởng chuyên môn. Cơ sở để giáo viên xây dựng chuyên đề dựa vào: Đặc điểm và trình độ của học sinh; điều kiện cơ sở vật chất của lớp, trường; kinh nghiệm, năng lực sư phạm của giáo viên; nhu cầu của cộng đồng, ...
* Tổ trưởng chuyên môn có thể phân công giáo viên tìm hiểu những nội dung khác nhau và báo cáo trong giờ sinh hoạt nhằm giúp đỡ, bồi dưỡng chuyên môn cho nhau .

**Bước 2:Thảo luận, thống nhất nội dung**

* Đối với SHCM cấp Tổ: Các giáo viên cùng trao đổi, thống nhất nội dung tự học với các giáo viên khác trong tổ chuyên môn.
* Đối với SHCM cấp trường : Tổ trưởng chuyên môn báo cáo những nội dung cơ bản đã thống nhất ở tổ. Các tổ chuyên môn cùng trao đổi về phương tổ chức các chuyên đề tìm hiểu sao cho phù hợp với học sinh trong trường, tổ chức xây dựng các tài liệu chuyên môn.
* Đối với SHCM cấp cụm: các trường cùng trao đổi, chia sẻ về kinh nghiệm tự học, tự tìm hiểu, xây dựng tài liệu chuyên môn, tổ chức các chuyên đề tìm hiểu.

SHCM về tự học có thể tổ chức dự giờ để thông qua việc quan sát hoạt động dạy học của đồng nghiệp, cùng trao đổi về tính hợp lý hoặc những băn khoăn cần trao đổi thêm khi giảng dạy trong thực tế trong thực tế.

**Bước 3 : Áp dụng**

Các giáo viên áp dụng những sáng kiến, kinh nghiệm hay của các cá nhân thông qua hoạt động tự học vào hoạt động phát triển tài liệu chuyên môn, hoạt động dạy học ở lớp, trường mình.

*2.2.2.Tổ chuyên môn với hoạt động tổ chức hợp tác, chia sẻ*

SHCM về nội dung đổi mới sự tham gia hợp tác, chia sẻ của phụ huynh và cộng đồng vào giáo dục có thể tổ chức dưới hình thức chuyên đề (đối với cấp trường) hoặc tổ chức Hội thảo (đối với cấp cụm) thì mới có thể nâng cao hiệu quả giáo dục thông qua các bước như sau :

**Bước 1: Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị**

- Xây dựng kế hoạch cần tập trung vào nội dung cụ thể mà giáo viên, cán bộ quản lý quan tâm, gặp vướng mắc, khó khăn cần được chia sẻ, hỗ trợ về nội dung phụ huynh và cộng đồng tham gia vào giáo dục. Trong kế hoạch cần nêu rõ: lớp, trường được chọn để minh họa cho nội dung SHCM, dự kiến giáo viên, cha mẹ học sinh, các đoàn thể, ban ngành sẽ tham gia giao lưu, chia sẻ trong buổi SHCM.

Có thể lựa chọn nội dung để xây dựng kế hoạch SHCM như sau:

+ Cách tuyên truyền với phụ huynh và cộng đồng để phụ huynh và cộng đồng hiểu rõ và tích cực tham gia vào xây dựng Mô hình trường học mới.

+ Cách phối họp với phụ huynh và cộng đồng trong việc huy động trẻ đến trường.

+ Cách hướng dẫn phụ huynh vào lớp học hoặc tới trường để hỗ trợ con em

mình học tập.

+ Cách hướng dẫn phụ huynh hỗ trợ con em mình học tập ở nhà (hoạt động ứng dụng).

+ Cách hướng dẫn phụ huynh viết phiếu đánh giá.

+ Cách phối hợp với phụ huynh, cộng đồng tham gia xây dựng, bảo quản, sử dụng cơ sở vật chất và tổ chức không gian trong lớp học.

+ Cách phối hợp với phụ huynh cộng đồng xây dựng các nội dung học tập liên quan đến nghề nghiệp hoặc nhu cầu thực tiễn của địa phương.

* Phân công giáo viên, cán bộ quản lý cấp trường chuẩn bị thuyết minh nội dung về sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng trong chuyên đề hoặc hội thảo.
* Mời một số phụ huynh, đại diện cộng đồng tham gia chuyên đề hoặc hội

thảo để trao đổi về cách phối họp với nhà trường đối với giáo dục.

**Bước 2: Tổ chức sinh hoạt chuyên môn về nội dung: cha mẹ HS,cộng đồng tham gia vào giáo dục; giao lưu với phụ huynh, đại diện cộng đồng**

* Giáo viên, cán bộ quản lý được phân công thuyết minh nội dung đã chuẩn bị.
* Các phụ huynh, đại điện cộng đồng chia sẻ về cách phối hợp với nhà trường trong hoạt động giáo dục, có thể minh họa rõ hơn về cách thức phối hợp với giáo viên, nhà trường hỗ trợ con em học tập ở trường, cách phối hợp với giáo viên xây dựng và bảo quản các công cụ trong lớp học,...

**Bước 3: Thảo luận chung**

* Các giáo viên, cán bộ quản lý, phụ huynh và đại diện cộng đồng cùng trao đổi những điều đã học tập được, bổ sung những kinh nghiệm hay hoặc chia sẻ những khó khăn cần tháo gỡ, đề xuất biện pháp tháo gỡ khó khăn trong việc phối hợp giữa phụ huynh và cộng đồng đối với giáo viên và nhà trường trong các hoạt động giáo dục.
* Cuối buổi thảo luận, người chủ trì tổng kết các ý kiến thảo luận và gợi ý các

vấn đề cần suy ngẫm để việc phụ huynh và cộng đồng tham gia vào hoạt động giáo dục hiệu quả hơn.

**Bước 4: Áp dụng**

Dựa trên kết quả thảo luận và những điều đã học tập được qua trao đổi, chia sẻ, các giáo viên (đối với SHCM cấp trường), các trường (đối với SHCM cấp cụm) nêu rõ phương hướng áp dụng để đổi mới sự tham gia của phụ huynh, cộng đồng

theo Mô hình trường học mới vào lớp, trường mình.

(!). BT*. HV vận dụng thiết kế hoạt động tổ chức môi trường tự học, tự bồi dưỡng, tự hợp tác, chia sẻ ở trường THCS*

## 2.3.Tổ chuyên môn với việc tổ chức thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và giáo dục

Tổ nhóm chuyên môn và tổ chức thực hiện mục tiêu, nội dung phương pháp dạy học và giáo dục được tổ chức thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài bài học. Quy trình gồm 4 bước sau:

***Bước 1*: Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị**

* Xây dựng kế hoạch cần tập trung vào nội dung cụ thể mà giáo viên, cán bộ quản lý quan tâm, gặp vướng mắc, khó khăn cần được chia sẻ, hỗ trợ trong hoạt động dạy học. Trong kế hoạch cần nêu rõ: bài dạy minh họa, người dạy minh họa, thời gian và địa điểm dạy,... Khuyến khích các giáo viên tự nguyện đăng ký, lựa chọn bài học, chủ động sáng tạo chuẩn bị bài căn cứ vào mục đích cụ thể của buổi SHCM.
* Giáo viên dạy minh họa chuẩn bị bài dạy. Trong quá trình chuẩn bị, giáo viên nên trao đổi về kế hoạch bài dạy với các đồng nghiệp cùng tổ, cùng trường hoặc trường bạn. Trên cơ sở xác định rõ mục tiêu bài học, đối chiếu mục tiêu bài học với trình độ học sinh, điều kiện trường lớp để dự kiến điều chỉnh nội dung dạy học, tiến trình diễn ra các hoạt động dạy học, phương tiện và đồ dùng dạy học cần thiết, ...
* Phân công giáo viên, tổ chuyên môn hoặc nhà trường hỗ trợ giáo viên dạy minh họa và chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác. Lưu ý, không dạy trước cho học sinh bài sẽ dạy minh họa.
* Bố trí lớp dạy minh họa có đủ chỗ ngồi hoặc đứng cho người dự giờ thuận lợi khi quan sát. Có thể điều chỉnh số lượng người dự giờ phù hợp với không gian lớp học.

***\* Lưu ý:***

* *Tập trung cho giáo viên dạy minh họa, đảm bảo trong năm học tất cả giáo viên dạy đều được dạy minh họa, có trao đổi rút kinh nghiệm sau khi dạy.*
* *Ngoài các nội dung về phương pháp dạy các môn học, phương pháp đánh giá học sinh, cần chú trọng tới các nội dung sinh hoạt chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ năm học và điều kiện nhà trường như: Phương pháp giáo dục kỷ luật tích cực, phương pháp dạy học lớp ghép, phương pháp “Bàn tay nặn bột, phương pháp sử dụng và bảo quản thiết bị dạy học, ...*

***Bước 2:* Tổ chức dạy học minh họa, dự giờ và suy ngẫm**

* Việc tổ chức dạy minh họa và dự giờ cần lưu ý không làm ảnh hưởng đến việc dạy của giáo viên và việc học của học sinh.
* Khi dự giờ, người dự giờ phải chuyển đối tượng quan sát từ giáo viên sang học sinh, cần quan sát một cách tỉ mỉ thái độ, nét mặt, hành vi, lời nói, cử chỉ, sự quan tâm của học sinh với bài học, mối quan hệ giữa các học sinh, việc làm và sản phẩm học tập của học sinh. Người dự giờ cần chọn vị trí thuận lợi để có thể dễ dàng quan sát hoạt động học của học sinh (có thể đứng hai bên lớp, đứng gần học sinh/nhóm học sinh) nhằm trả lời các câu hỏi:

+ Học sinh có nắm được yêu cầu của các hoạt động học tập không?

+ Học sinh có thực sự tự học, có tích cực thực hiện các hoạt động học không?

+ Nhóm trưởng điều hành hoạt động học nhóm như thế nào? Các thành viên trong nhóm có tích cực, hợp tác khi học nhóm không?

+ Sản phẩm của từng nhóm/từng học sinh như thế nào?

+ Giáo viên có điều chỉnh tài liệu Hướng dẫn học không/ Nếu có điều chỉnh thì điều chỉnh như thế nào?

+ Giáo viên giám sát, hỗ trợ hoạt động học của từng nhóm/từng học sinh như thế nào?

+ Hội đồng tự quản và các công cụ của lớp học (góc học tập, góc thư viện, góc cộng đồng) được phát huy tác dụng như thế nào trong giờ học? ...

* Nếu dự giờ có quay video, cần chú ý chọn vị trí đặt máy quay hợp lý để có thể bao quát toàn cảnh lớp học, có thể tập tring vào một số học sinh/nhóm học sinh điển hình để có tư liệu chia sẻ và thảo luận.

***Bước 3*: Thảo luận chung**

* Các giáo viên cùng chia sẻ suy ngẫm của mình về bài học trên cơ sở lắng nghe và tôn trọng lẫn nhau. Việc thảo luận không tập trung vào đánh giá xếp loại giáo viên, không xếp loại giờ dạy mà chủ yếu nhằm phân tích các tình huống quan sát được từ hoạt động học và kết quả học tập của học sinh trong giờ học. Trước hết, cần nhấn mạnh những điểm thành công của giờ học, bên cạnh đó, có thể chỉ ra nguyên nhân học sinh chưa tích cực hoặc chưa đạt được kết quả trong bài học và tìm giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng bài học nhằm tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia vào quá trình học tập.
* Cuối buổi thảo luận, người chủ trì tổng kết các vấn đề nổi bật qua thảo luận và gợi ý các vấn đề cần suy ngẫm để hoạt động học của học sinh được tốt hơn. Người tham dự có thể tự suy nghĩ và lựa chọn biện pháp áp dụng cho các giờ dạy của mình.

***Bước 4*: Áp dụng vào thực tiễn dạy học**

Dựa trên kết quả thảo luận và những điều đã quan sát, học tập được qua dự giờ, các giáo viên (đối với SHCM cấp tổ), các tổ chuyên môn (đối với SHCM cấp trường), các trường (đối với SHCM cấp cụm) nêu rõ phương hướng áp dụng để đổi mới hoạt động dạy và hoạt động học theo mô hình trường học mới vào thực tiễn dạy học ở lớp, trường mình.

## 2.4.Tổ chuyên môn với công tác bồi dưỡng giáo viên tập sự và bồi dưỡng giáo viên tại trường, tập huấn giáo viên

Đối với công tác bồi dưỡng giáo viên tập sự và bồi dưỡng giáo viên tại trường, tập huấn giáo viên nên tổ chức SHCM thông qua hoạt động dự giờ, góp ý cho đồng nghiệp và tập huấn, báo cáo chuyên đề. Cần thực hiện theo quy trình sau:

***Bước 1*: Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị**

* Xây dựng kế hoạch cần tập trung vào các nội dung bồi dưỡng, tập huấn cụ thể mà giáo viên tập sự cũng như giáo viên trong nhà trường đang quan tâm, gặp vướng mắc, khó khăn cần được chia sẻ, hỗ trợ. Trong kế hoạch cần nêu rõ nội dung, bài dạy minh họa, người dạy minh họa, thời gian và địa điểm dạy, .... Khuyến khích giáo viên tự nguyện đăng ký nội dung để chuẩn bị dạy mẫu cho giáo viên tập sự cũng như giáo viên trong nhà trường có thể dự giờ, học hỏi.
* Giáo viên dạy minh họa chuẩn bị bài dạy hoặc chuẩn bị nội dung sẽ trình bày tại chuyên đề (hoặc Hội thảo) trình bày ý tưởng trước tổ chuyên môn để được góp ý trước khi dạy mẫu.

***Bước 2:* Tổ chức triển khai**

* Tổ chức dạy minh họa và dự giờ. Việc dự giờ tập trung vào nội dung, các phương pháp, kỹ thuật trong dạy học, hoạt động giáo dục của giáo viên và học sinh. Giáo viên tập sự và giáo viên trong nhà trường trong khi học hỏi phải trả lời các câu hỏi:

+ Giáo viên giám sát, hỗ trợ, đánh giá hoạt động học của từng nhóm / từng học sinh như thế nào ?

+ Giáo viên có vận dụng giáo dục kỷ luật tích cực khi nhận xét, đánh giá học sinh không? Cách động viên, khích lệ học sinh hoặc hướng dẫn, hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn trong học tập như thế nào ?

+ Các kĩ thuật đánh giá trên lớp nào đã được giáo viên sử dụng ?

+ Học sinh có biết cách tự đánh giá và đánh giá bạn hay không ?

+ Kết quả đánh giá của giáo viên và kết quả học sinh tự đánh giá và đánh giá về bài dạy như thế nào ?

+ Giáo viên ghi Nhật ký đánh giá sau giờ dạy như thế nào ?

+ Nên điều chỉnh hoạt động dạy học như thế nào sau giờ dạy ?...

+ Giáo viên tập sự và giáo viên trong nhà trường cần ghi chép lại tiến trình bài học và hoạt động giáo dục.

+ Cách bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh nhằm phát huy khả năng của các em và giúp các em tiến bộ trong học tập.

+ Cách xây dựng ma trận đề kiểm tra (các mạch kiến thức cần kiểm tra, số câu, số điểm tương ứng với các mức độ 1, mức độ 2, mức độ 3), cách ra đề kiểm tra, đánh giá định kì kết quả học tập; cách chấm bài kết hợp với sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm, hạn chế và góp ý cho học sinh.

+ Cách ghi Phiếu tổng hợp đánh giá cuối học kì I và cuối năm học

+ Cách hướng dẫn học sinh bình bầu khen thưởng mỗi tiết học và lâu dài là vào cuối học kì I, cuối năm học...

**Bước 3: Thảo luận chung**

* Sau khi dự giờ, cần tập trung thảo luận góp ý rút kinh nghiệm những mặt làm được và chưa làm được để sửa đổi hoàn thiện tiết học được hấp dẫn hơn, đồng thời giải đáp những thắc mắc của đồng nghiệp liên quan đến bài dạy. Trên cơ sở đó giáo viên tấp sự và giáo viên trong nhà trường học hỏi, rút ra những kinh nghiệm riêng cho bản thân mình trong quá trình dạy học sau này. Các giáo viên khác có thể cùng trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm hay, những khó khăn, vướng mắc và cùng tìm ra biện pháp tháo gỡ khó khăn.
* Cuối buổi thảo luận, người chủ trì có thể tổng kết các vấn đề nổi bật qua tiết

dạy minh họa, buổi tập huấn và gợi ý các vấn đề cần suy ngẫm về bồi dưỡng giáo viên, dạy học và giáo dục học sinh nhằm giúp cho giáo viên tập sự, giáo viên trong nhà trường có sự tự tin chuẩn bị bài dạy ở lớp mình, trường mình.

***Bước 4*: Áp dụng đối với giáo viên tập sự, giáo viên trong nhà trường**

Dựa trên kết quả thảo luận và những điều đã quan sát, học tập được qua dự giờ, hoặc tập huấn, các tổ chuyên môn (đối với SHCM cấp trường), các trường (đối với SHCM cấp cụm) xây dựng kế hoạch để giáo viên tập sự có thể dạy những nội dung bài học tiếp theo và quy trình quay trở lại bước 1, cứ lặp lại như vậy thì hoạt động bồi dưỡng giáo viên tập sự, giáo viên trong nhà trường sẽ thực sự hiệu quả.

***(!)CH. Thầy (cô) hãy thảo luận về những hoạt động cơ bản để hỗ trợ chuyên môn cho GV, GV tập sự tại đơn vị đang giảng dạy, công tác.***

## 2.5.Kết hợp các phương thức với sự hỗ trợ bồi dưỡng trực tuyến và khai thác mã nguồn mở

SHCM về nội dung bồi dưỡng trực tuyến và khai thác mã nguồn mở được tổ chức ở cấp trường, cấp cụm với quy trình như sau :

**Bước 1: Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng trực tuyến và khai thác mã nguồn mở**

* Các giáo viên trao đổi chuyên môn trong tổ để đề xuất tài liệu, cách triển khai tài liệu bồi dưỡng trực tuyến và khai thác mã nguồn mở. Cơ sở để đề xuất dựa trên nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn của giáo viên, năng lực và trình độ của giáo viên, điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực của nhà trường, của cộng đồng... Các tài liệu có thể là tài liệu bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, hoặc nhà trường phối họp với cộng đồng để tập huấn cho giáo viên nhằm khai thác tối đa công cụ trực tuyến.
* Tổ trưởng tổ chuyên môn trao đổi, thống nhất cách thức khai thác công cụ trực tuyến với Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn. Hiệu trưởng nhà trường hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn trao đổi, thống nhất, lập kế hoạch bồi dưỡng hoặc trang bị thêm thiết bị, cơ cở vật chất.
* Tổ chức trao đổi về định hướng và xây dựng quy trình khai thác công cụ trực tuyến ở cụm trường.
* Lựa chọn, phân công người hỗ trợ tập huấn về sử dụng công cụ trực tuyến.

## Bước 2: Triển khai bồi dưỡng trực tuyến và khai thác mã nguồn mở

Các tác giả được phân công tập huấn, hướng dẫn đồng nghiệp. Để đảm bảo hiệu quả, những cá nhân đó phải có kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác công cụ trực tuyến, có thể thử nghiệm trước khi tập huấn chính thức cho các giáo viên.

**Bước 3: Góp ý, hoàn chỉnh quá trình bồi dưỡng**

Các trường, các cụm trường có thể tổ chức cho các giáo viên, cộng đồng (nếu là tài liệu liên quan đến địa phương) khai thác dữ liệu cũng như công cụ trực tuyến.

Trên cơ sở đó, hoàn chỉnh cho các thầy cô trong nhà trường.

**Bước 4*:* Áp dụng khai thác tài liệu, công cụ trực tuyến vào thực tế giảng dạy**

Các trường bồi dưỡng trực tuyến và khai thác mã nguồn mở vào hoạt động dạy học ở trường. Trong quá trình triển khai, có thể tiếp tục rút kinh nghiệm điều chỉnh, hoàn thiện cho bản thân mình và đồng nghiệp.

*\* Lưu ý: Có thể kết hợp nội dung phát triển tài liệu chuyên môn và các tài liệu khác với nội dung bồi dưỡng trực tuyến và khai thác mã nguồn mở, giúp đồng nghiệp có thêm một kênh thông tin tham khảo tài liệu.*

### 2.6.Giao lưu học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm giữa các cơ sở GD

Hoạt động giao lưu học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm giữa các cơ sở giáo dục là một hoạt động cần thiết. Hoạt động đó có thể tổ chức dưới hình thức viết báo cáo và tham dự các chuyên đề (đối với cấp tổ, cấp trường) hoặc tổ chức Tập huấn, Hội thảo (đối với cấp cụm). Để làm tốt việc đó ta cần chuẩn bị như sau:

**Bước 1: Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị**

- Xây dựng kế hoạch cần tập trung vào nội dung cụ thể mà giáo viên, cán bộ quản lý quan tâm, gặp vướng mắc, khó khăn cần được chia sẻ, hỗ trợ trong việc dạy học. Hay đồng thời ta thấy các trường khác có những mô hình, phương pháp dạy học, giáo dục hiệu quả các cơ sở giáo dục có thể tự liên hệ đề viết bài tập huấn chia sẻ kinh nghiệm với nhau.

Có thể lựa chọn nội dung để xây dựng kế hoạch như sau :

+ Cách hướng dẫn, hỗ trợ học sinh thành lập Hội đồng tự quản (cách xây dựng kế hoạch thành lập Hội đồng tự quản, các triển khai thành lập Hội đồng tự quản)

+ Cách hướng dẫn, hỗ trợ Hội đồng tự quản hoạt động hiệu quả, phát huy tác dụng các công cụ để tổ chức hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh (Hộp thư “Điều em muốn nói”; Hộp thư vui; sổ ghi chép (nhật kí cá nhân); Bảng theo dõi chuyên cần; sổ tay học tập; Hộp thư cam kết; sổ ghi chép khách tới thăm trường,...)

+ Cách tổ chức cho học sinh xây dựng, sử dụng, quản lý và phát triển Góc học tập; Thư viện lóp học; Bản đồ cộng đồng; Góc cộng đồng.

+ Cách tổ chức nhóm, bồi dưỡng nhóm trưởng, quản lý và giám sát học sinh học theo nhóm...

+ Cách thay đổi luân phiên làm nhóm trưởng và thay đổi thành viên trong các nhóm như thế nào để đạt hiệu quả?

+ Cách giáo dục học sinh hiệu quả?

+ Làm như thế nào để gây hứng thú trong bài học đối với học sinh?

* Cơ sở giáo dục được chọn để tham gia chia sẻ kinh nghiệm đó là những cơ

sở giáo dục tiêu biểu trong các lĩnh vực đó.

* Phân công giáo viên, tổ chuyên môn hoặc nhà trường hỗ trợ chuẩn bị.

**Bước 2: Tổ chức chia sẻ kinh nghiệm giữa các cơ sở giáo dục**

* Cơ sở giáo dục được chọn chia sể giới thiệu về mô hình, kinh nghiệm, sáng kiến, .. của cơ sở mình cho các cơ sở bạn, nguyên nhân, biện pháp thực hiện hiệu quả.
* Các giáo viên tham gia học hỏi tìm hiểu về kinh nghiệm, các kĩ năng cần thiết để có được những thành công của cơ sở giáo dục từ đó rút ra những kinh nghiệm cho bản thân và cho cơ sở giáo dục mình.

**Bước 3: Thảo luận chung**

* Sau khi tham được tham gia tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm, tiến hành trao đổi thảo luận :

+ Những nguyên nhân, giải pháp dẫn đến thành công của cơ sở giáo dục đó.

+ Cách thức triển khai học hỏi đối với cơ sở giáo dục đang công tác.

+ Chia sẻ những băn khoăn, khó khăn, đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó

khăn của đơn vị mình .

* Cuối buổi thảo luận, người chủ trì tổng kết các ý kiến thảo luận và gợi ý các

vấn đề cần suy ngẫm để việc tổ chức học hỏi, triển khai được hiệu quả hơn.

**Bước 4: Áp dụng**

Dựa trên kết quả thảo luận và những điều đã quan sát, học tập được qua tham gia tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm của các cơ sở giáo dục, các giáo viên (đối với SHCM cấp tổ), các tổ chuyên môn (đối với SHCM cấp trường), các trường (đối với SHCM cấp cụm) nêu rõ phương hướng áp dụng để đổi mới hiệu quả giáo dục của cơ sở mình.

**3. Tổ chuyên môn với việc phát triển nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng**

### 3.1. Ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong kế hoạch hoạt động nâng cao năng lực giáo viên và chất lượng giáo dục

*3.1.1. Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là gì?*

Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng (NCKHSPƯD) hiện nay là xu thế chung của NCKH giáo dục ở thế kỉ XXI, đang được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới và các nước trong khu vực. Nó không chỉ là hoạt động thường xuyên dành cho những nhà nghiên cứu mà đã trở thành hoạt động thường xuyên của mỗi giáo viên (GV) và cán bộ quản lí giáo dục (CBQLGD).

NCKHSPƯDcó ý nghĩa quan trọng giúp GV xem xét các hoạt động trong lớp học/trường học, phân tích tìm hiểu thực tế và tìm các biện pháp tác động nhằm thay đổi hiện trạng, nâng cao chất lượng dạy học đồng thời phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tự hoàn thiện mình. Với quy trình nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn GD, mang lại hiệu quả tức thì có thể sử dụng phù hợp với mọi đối tượng GV/CBQLGD ở các cấp và các điều kiện thực tế khác nhau.

***NCKHSPƯDl****à một loại hình nghiên cứu trong giáo dục nhằm thực hiện một tác động hoặc can thiệp sư phạm vàđánh giá ảnh hưởng của nó. Tác động hoặc can thiệp đó có thể là việc sử dụng PPDH, sách giáo khoa, PP quản lí, chính sách mới… của GV/CBQLGD. Người nghiên cứu (GV, CBQL) đánh giá ảnh hưởng của tác động một cách có hệ thống bằng phương pháp nghiên cứu phù hợp.*

 **- Hai yếu tố quan trọng của NCKHSPƯD là tác động và nghiên cứu:**

+ Khi lựa chọn biện pháp tác động (là một giải pháp thay thế cho giải pháp đang dùng) GV cần tham khảo nhiều nguồn thông tin đồng thời phải sáng tạo tìm kiếm và xây dựng giải pháp mới thay thế. Để thực hiện nghiên cứu, người làm công tác giáo dục (GV/CBQLGD) cần biết các phương pháp chuẩn mực để đánh giá tác động một cách hiệu quả.

+ Với NCKHSPƯD, GV/CBQLGD xác định và điều tra những vấn đề giáo dục tại chính nơi vấn đề đó xuất hiện: tại lớp học và trường học. Thông qua việc thực hiện NCKHSPƯD vào các bối cảnh này và để những người đang hoạt động trong môi trường đó tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, các phát hiện sẽ được ứng dụng ngay lập tức và vấn đề sẽ được giải quyết nhanh hơn.

**(?) CH. Đặc trưng quan trọng của NCKHSPƯD là gì??**

- Người nghiên cứu không phải tách ra khỏi đối tượng nghiên cứu mà là 1 phần của đối tượng nghiên cứu; đồng thời kết quả nghiên cứu còn giúp cải thiện thực trạng của chính đối tượng nghiên cứu và có thể trở thành nội dung để bồi dưỡng GV trong sinh hoạt ở tổ CM.

**(?) CH. Những lợi ích của NCKHSPƯD đối với GV THCS??**

Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, khi được áp dụng đúng cách trong nhà trường THCS, sẽ đem đến nhiều lợi ích, vì:

* Phát triển tư duy của GV THCS một cách hệ thống theo hướng giải quyết vấn đềmang tính nghề nghiệp để hướng tới sự phát triển của trường học.
* Tăng cường năng lực giải quyết vấn đề và đưa ra các quyết định về chuyên môn một cách chính xác.
* Khuyến khích GV nhìn lại quá trình và tự đánh giá.
* Tác động trực tiếp đến việc dạy học và công tác quản lí giáo dục (lớp học, trường học).
* Tăng cường khả năng phát triển chuyên môn của giáo viên. Giáo viên tiến hành nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng sẽ tiếp nhận chương trình, phương pháp dạy học mới một cách sáng tạo, có phê phán.

=>*Các chủ đề sinh hoạt tổ CM nếu được lồng ghép trong NCKHSPƯD của GV sẽ có tác động thúc đẩy phong trào bồi dưỡng môn, nghiệp vụ, nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học, đồng thời nâng cao năng lực NCKH của GV.*

*3.1.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng đối với việc nâng cao năng lực nghề nghiệp giáo viên THCS*

**NCKHSPƯD là một chu trình liên tục tiến triển.** Chu trình này bắt đầu bằng việc quan sát thấy có các vấn đề trong lớp học hoặc trường học. Những vấn đề đó khiến họ **nghĩ** đến các giải pháp thay thế nhằm cải thiện hiện trạng. Sau đó, **thử nghiệm** những giải pháp thay thế này trong lớp học hoặc trường học. Sau khi thử nghiệm, tiến hành **kiểm chứng** để xem những giải pháp thay thế đó có hiệu quả hay không. Đây chính là bước cuối cùng của chu trình suy nghĩ - thử nghiệm - kiểm chứng.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Chu trình NCKHSPƯD****Chu trình NCKHSPƯD bao gồm: Suy nghĩ, Thử nghiệm và Kiểm chứng** * **Suy nghĩ:** Quan sát thấy có vấn đề và nghĩ tới giải pháp thay thế
* **Thử nghiệm:** Thử nghiệm giải pháp thay thế trong lớp học/trường học
* **Kiểm chứng:** Tìm xem giải pháp thay thế có hiệu quả hay không
 |

 Việc hoàn thiện một chu trình suy nghĩ - thử nghiệm - kiểm chứng trong nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng giúp phát hiện được những vấn đề mới như:

* Các kết quả tác động tốt tới mức nào?
* Điều gì xảy ra nếu tiến hành tác động trên đối tượng khác? Có cần điều chỉnh tác động không?
* Liệu có cách thức tác động khác hiệu quả hơn không?

Như vậy, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là một chu trình tiếp diễn không ngừng và dường như không có kết thúc.Giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng có thể liên tục làm cho bài dạy của mình cuốn hút và hiệu quả hơn.

Hơn nữa, khác với sáng kiến kinh nghiệm, qui trình thực hiện nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cung cấp cho GV và CBQLGD phương pháp luận. Nó là công cụ sắc bén để chỉ dẫn GV và CBQLGD trong công tác dạy học, tổ chức, quản lý nhà trường. Nắm vững qui trình thực hiện nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng không chỉ có nghĩa đối với các nhà nghiên cứu KHGD chuyên nghiệp, mà còn đối với các GV/CBQLGD trong các lĩnh vực hoạt động thực tiễn.

### 3.2. Quy trình tổ chuyên môn thực hiện một NCKHSPƯD trong trường THCS

Để có thể tiến hành nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng có hiệu quả trong các tình huống thực tế, GV và CBQLGD cần nắm rõ quy trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

***Qui trình này được mô tả dưới dạng một khung gồm 5 bước như sau:***

**Bước 1: Phát hiện thực trạng**

Các Giáo viên trong tổ bộ môn tìm hiểu thực trạng, những hạn chế của hiện trạng trong viêc dạy, QLGD và các hoạt động khác trong nhà trường; xác định các nguyên nhân gây ra hạn chế đó, lựa chọn một nguyên nhân mà mình muốn thay đổi.- học báo cáo tổ chuyên môn.

**Bước 2: Xác định vấn đề nghiên cứu**

Tổ chuyên môn thảo luận xác đinh vấn đề nghiên cứu, các vấn đề cần nghiên cứu (dưới dạng câu hỏi) và nêu các giả thuyết.

 Để xác định được đề tài nghiên cứu cần thực hiện các thứ tự sau :

1. Trình bày hiện trạng (thực trạng) bản thân quan tâm .
2. Nêu các nguyên nhân gây ra hiện trạng (thực trạng) .
3. Chọn một hoặc vài nguyên nhân bản thân thấy cần tác động để tạo sự chuyển biến .
4. Đưa ra các giải pháp tác động (tham khảo tài liệu , kinh nghiệm của đồng nghiệp , sâng tạo của bản thân ….)
5. Xây dựng giả thuyết : Trả lời câu hỏi : Có kết quả (hiệu quả) hay không? Có thay đổi hay không?

Nếu trả lời có kết quả (có hiệu quả) đó là giả thuyết có định hướng .

Nếu chỉ làm thay đổi (biến đổi , khác biệt…) đó là giả thuyết không định hướng.

Chú ý vấn đề này để sau này sử dụng *công thức kiểm chứng* .

1. Đặt tên cho đề tài . Khi đặt tên cho đề tài phải thể hiện được :

 + Mục tiêu đề tài

 + Đối tượng nghiên cứu

 + Phạm vi nghiên cứu

+ Biện pháp tác động

Ví dụ : “Nâng cao hứng thú học tập của học sinh khối …. Trường …. Trong môn học …. Bằng biện pháp ….”

 + Mục tiêu : “Nâng cao hứng thú cho học sinh”

 + Đối tượng nghiên cứu : Tâm lý của HS

 + Phạm vi : Khối .. thuộc trường …

 + Biện pháp tác động : “bằng biện pháp …”

Phân công nhiệm vụ nghiên cứu cho mỗi giáo viên;

**Bước 3: Triển khai nghiên cứu**

Phân công giáo viên thu thập tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

Giáo viên được phân nghiên cứu lựa chọn thiết kế phù hợp để thu thập dữ liệu đáng tin cậy và có giá trị. Thiết kế bao gồm: xác định nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, quy mô nhóm, thời gian thu thập dữ liệu.

Giáo viên - người nghiên cứu xây dựng công cụ đo lường và thu thập dữ liệu theo thiết kế nghiên cứu.

Thường xuyên báo cáo tiến độ đề tài nghiên cứu cho tổ chuyên môn.

**Bước 4: Báo cáo tiến độ kết quả nghiên cứu và phân tích kết quả**

GV - người nghiên cứu phân tích các dữ liệu thu được và giải thích để trả lời các câu hỏi nghiên cứu. Giai đoạn này có thể sử dụng các công cụ thống kê.

GV - người nghiên cứu đưa ra câu trả lời cho câu hỏi nghiên cứu, đưa ra các kết luận và khuyến nghị.

**Bước 5: Nghiệm thu, đánh giá đề tài, ứng dụng vào thực tiễn**

Giáo viên được phân công nghiên cứu báo cáo kết quả nghiên cứu trước hội đồng khoa học chuyên môn. Hội đồng chuyên môn đánh giá

Khung nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng này là cơ sở để lập kế hoạch nghiên cứu. Áp dụng theo khung nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, trong quá trình triển khai đề tài, người nghiên cứu sẽ không bỏ qua những khía cạnh quan trọng của nghiên cứu.

Trong nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng có nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng: cả hai cách tiếp cận nghiên cứu này đều có điểm mạnh và điểm yếu nhưng đều nhấn mạnh việc nhìn lại quá trình của GV về việc dạy và học, năng lực phân tíchđể đánh giá các hoạt động một cách hệ thống, năng lực truyền đạt kết quả nghiên cứu đến những người ra quyết định hoặc những nhà giáo dục quan tâm tới vấnđề này.

### 3.3. Tổ chuyên môn tổ chức xây dựng môi trường NCKHSPƯD tại trường THCS

*3.3.1. Tìm hiểu hiện trạng*

NCKHSPƯD được bắt đầu bằng việc nhìn lại các vấn đề trong việc dạy học trên lớp. Sau đây là một số vấn đề thường được giáo viên đưa ra:

* Vì sao nội dung này không thu hút học sinh tham gia?
* Vì sao kết quả học tập của học sinh sụt giảm khi học nội dung này?
* Có cách nào tốt hơn để thay đổi nhận thức của cha mẹ học sinh về giáo dục trong nhà trường không?
* Phương pháp dạy học này có nâng cao kết quả học tập của học sinh không?
* ….

Các câu hỏi như vậy về PPDH, về hiệu quả dạy học, về thái độ và hành vi của học sinh… được sự quan tâm của những GV trong tổ chuyên môn muốn thay đổi hiện trạng GD. Từ những câu hỏi này, tổ chuyên môn thống nhất bắt đầu tập trung vào một vấn đề cụ thể để tiến hành nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng:

* Xác định các nguyên nhân gây ra thực trạng.
* Chọn một nguyên nhân muốn tác động để đưa ra các giải pháp.

*3.3.2. Đưa ra các giải pháp thay thế*

Với một vấn đề cụ thể, người nghiên cứu sẽ suy nghĩ hoặc tìm giải pháp thay thế cho giải pháp đang sử dụng. Có thể tìm giải pháp thay thế từ nhiều nguồn khác nhau:

* Các ví dụ về giải pháp đã được triển khai thành công tại nơi khác.
* Điều chỉnh giải pháp từ các mô hình khác.
* Các giải pháp do chính giáo viên nghĩ ra.

Trong quá trình tìm kiếm và xây dựng các giải pháp thay thế, GV cần tìmđọc nhiều bài NCGD bàn về các vấn đề tương tự. GV - người nghiên cứu nên tìm đọc một số công trình nghiên cứu trong 5 năm trở lại đây có liên quan đến đề tài nghiên cứu của mình. Nghiên cứu các tài liệu tham khảo có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định giải pháp thay thế, nó giúp chỉ ra những hoạt động đã được thực hiện để giải quyết các vấn đề tương tự. Người nghiên cứu cũng có thể áp dụng hoặc điều chỉnh phương pháp đã được nghiên cứu làm giải pháp thay thế. Qua đó, người nghiên cứu có luận cứ vững vàng cho giải pháp thay thế đề ra trong nghiên cứu.

Quá trình tìm kiếm và đọc các công trình nghiên cứu bàn về một vấn đề cụ thểđược gọi là quá trình tìm hiểu lịch sử nghiên cứu vấn đề. Trong quá trình này, cần:

* Tìm kiếm một số nguồn thông tin đáng tin cậy: các bài đăng tải những công trình nghiên cứu trên các tạp chí. Tìm kiếm các công trình nghiên cứu trên mạng Internet.
* Đọc và tóm tắt các thông tin hữu ích.
* Lưu lại các công trình nghiên cứu đã đọc để tham khảo thêm.

Trong quá trình tìm hiểu lịch sử nghiên cứu vấn đề, người nghiên cứu cần tìm các thông tin qua các đề tài đã thực hiện:

* Nội dung bàn luận về các vấn đề tương tự
* Cách thực hiện giải pháp cho vấn đề
* Bối cảnh thực hiện giải pháp
* Cách đánh giá hiệu quả của giải pháp
* Các số liệu và dữ liệu có liên quan - Hạn chế của giải pháp.

Với những thông tin thu được từ quá trình tìm hiểu lịch sử nghiên cứu vấn đề, người nghiên cứu xây dựng và mô tả giải pháp thay thế. Lúc này, người nghiên cứu có thể bước đầu xác định tên đề tài nghiên cứu. Dưới đây là ví dụ tên một số đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

*3.3.3. Xác định vấn đề nghiên cứu*

Việc liên hệ với thực tế dạy học và đưa ra giải pháp thay thế cho tình huống hiện tại sẽ giúp GV hình thành các vấn đề nghiên cứu. Mỗi nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng khởi đầu bằng một vấn đề và đó phải là một vấn đề có thể nghiên cứu được. Muốn vậy, vấn đề nghiên cứu cần:

1. Không đưa ra đánh giá về giá trị
2. Có thể kiểm chứng bằng dữ liệu

Vấn đề đầu tiên đề cập phương pháp tốt nhất để dạy học sinh. Từ tốt nhất chính là một nhận định về giá trị. “Tốt nhất” ở đây nghĩa là gì? Dựa trên tiêu chí nào để đánh giá là “tốt nhất”? Liệu có phải “tốt nhất” vì đó là phương pháp duy nhất mà tôi có thể dạy? Những lí do này mang tính cá nhân hoặc chủ quan. Vì vậy vấn đề này không nghiên cứu được.

Vấn đề thứ hai: “Liệu tóm tắt sau khi đọc có ích cho việc đọc hiểu hay không?” là trung tính, vì nó không liên quan đến bất kì nhận định nào về giá trị. Để trả lời vấn đề nghiên cứu này, có thể yêu cầu một nhóm học sinh tóm tắt sau khi đọc và một nhóm khác không cần tóm tắt sau khi đọc. Sau đó, có thể yêu cầu hai nhóm làm bài kiểm tra đọc hiểu trong một khoảng thời gian nhất định và sử dụng phép kiểm chứng T-test độc lập để kiểm chứng chênh lệch giá trị trung bình của hai nhóm có ý nghĩa hay không.

Chúng ta sử dụng dữ liệu để kiểm chứng giả thuyết “Việc tóm tắt sau khi đọc có ích…” hoặc “Việc tóm tắt sau khi đọc không có ích…”. Cách thực hiện nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng này là khách quan. Các dữ liệu được đo có liên quan tới vấn đề nghiên cứu. Kết luận đưa ra dựa trên kết quả của học sinh chứ không dựa vào niềm tin hay sở thích của người nghiên cứu. Vì vậy có thể kết luận rằng vấn đề này có thể nghiên cứu được.

Vấn đề thứ ba: không nghiên cứu được vì từ “nên” thể hiện sự chủ quan và mang tính cá nhân.

Vấn đề thứ tư: mang tính trung lập, vì có thể kiểm chứng bằng các dữ liệu có liên quan.

Người nghiên cứu nên tránh sử dụng các từ ngữ hàm chỉ việc đánh giá cá nhân khi hình thành các vấn đề nghiên cứu. Một số từ như vậy bao gồm “phải”, “tốt nhất”, “nên”, “bắt buộc”, “duy nhất”, “tuyệt đối”…

Một khía cạnh quan trọng khác của vấn đề nghiên cứu là khả năng kiểm chứng bằng dữ liệu. Người nghiên cứu cần suy nghĩ xem cần thu thập loại dữ liệu nào và tính khả thi của việc thu thập những dữ liệu đó.

*3.3.4. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu*

Giả thuyết nghiên cứu là một câu trả lời giả định cho vấn đề nghiên cứu và sẽ được chứng minh bằng dữ liệu.

Ví dụ về xây dựng giả thuyết nghiên cứu.

|  |  |
| --- | --- |
| **Vấn đềnghiên cứu** | 1. Sử dụng bản đồ, tranh ảnh trong dạy học môn Địa lí 7 như thế nào để nâng cao hứng thú học tập của HS?
2. Sử dụng bản đồ, tranh ảnh trong dạy học môn Địa lí 7 như thế nào để làm tăng kết quả học tập của HS?
 |
| **Giả thuyết** | 1. Sử dụng bản đồ, tranh ảnh phù hợp với các giai đoạn của tiến trình khoa học và phù hợp với trình độ HS, sẽ làm thay đổi hứng thú học tập của HS;
2. Sử dụng bản đồ, tranh ảnh phù hợp với các giai đoạn của tiến trình khoa học và phù hợp với trình độ HS sẽ làm tăng kết quả học của HS.
 |

Có hai dạng giả thuyết nghiên cứu chính:

|  |  |
| --- | --- |
| **Giả thuyết không có nghĩa (Ho)** | Dự đoán hoạt động thực nghiệm sẽ không mang lại hiệu quả.  |
| **Giả thuyết có****nghĩa (Ha)** | Dự đoán hoạt động thực nghiệm sẽ mang lại hiệu quả. |

Giả thuyết có nghĩa (Ha) có thể có hoặc không có định hướng. Giả thuyết cóđịnh hướng sẽ dự đoán định hướng của kết quả, còn giả thuyết không định hướng chỉ dự đoán sự thay đổi. Ví dụ sau sẽ minh họa cho điều này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Có định hướng**  | Có, nó sẽ làm tăng kết quả học của học sinh.  |
| **Không định hướng**  | Có, nó sẽ làm thay đổi hứng thú học tập của học sinh.  |

*3.3.5. Lựa chọn thiết kế nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng*

Thiết kế nghiên cứu sẽ cho phép người nghiên cứu thu thập dữ liệu có liên quan một cách chính xác để chứng minh giả thuyết nghiên cứu. Trong khi thực hiện nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, nhà nghiên cứu cần trả lời được các câu hỏi:

* Có cần nhóm đối chứng không?
* Có cần làm bài kiểm tra trước tác động không?
* Quy mô mẫu như thế nào?
* Công cụ thống kê nào sẽ được dùng, dùng như thế nào và vào thời điểm nào?

Trong nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, có 4 dạng thiết kế phổ biến được sử dụng:

* Thiết kế kiểm tra trước tác động và sau tác động đối với nhóm duy nhất.
* Thiết kế kiểm tra trước tác động và sau tác động với các nhóm tương đương.
* Thiết kế kiểm tra trước tác động và sau tác động đối với các nhóm ngẫu nhiên.
* Thiết kế kiểm tra sau tác động đối với các nhóm ngẫu nhiên.

***3.4. Đánh giá kết quả và tổ chức triển khai vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong trườngTHCS***

Hệ thống đánh giá khoa học bao gồm những tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá. Vấn đề là cụ thể hóa những chỉ tiêu của từng loại đánh giá đã nêu trên đây.

Hệ thống đánh giá còn bao gồm một thiết chế về tổ chức: đánh giá bằng phương pháp chuyên gia, bằng phương pháp hội đồng, hoặc phương pháp kết hợp chuyên gia với hội đồng.

Cách thức quyết định của 4 loại hoạt động đánh giá trên đây cũng khác nhau:

* Kết quả thẩm định được trình bày dưới dạng ghi nhận các ý kiến đánh giá của chuyên gia và của hội đồng nhà trường (có thể để được cơ quan tài trợ quyết định);
* Quyết định nghiệm thu dựa trên nguyên tắc biểu quyết đa số;
* Đánh giá kết quả và đánh giá hiệu quả thì không biểu quyết mà chỉ ghi nhận các ý kiến, rồi công bố để các đồng nghiệp sử dụng như một tư liệu nghiên cứu.

*Một đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng tốt là đề tài có tính khả thi, nghiên cứu chứa đựng các yếu tố mới, nghiên cứu đáp ứng các tiêu chuẩn đạo đức và các kết quả nghiên cứu có ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục và dạy học trong nhà trường.*

Những nghiên cứu có giá trị thường đóng góp thông tin mới, dữ liệu mới. Một nghiên cứu chỉ đơn thuần lặp lại những gì người khác đã làm là không xứng đáng, tốn tiền và công sức (trừ một số trường hợp). Cái mới trong nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng đó là:

* Mới về ý tưởng,
* Mới về cách tiếp cận,
* Mới về phương pháp,
* Mới về kết quả,
* Hoặc mới về cách diễn giải, bình luận

Như vậy, để đánh giá một nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng có thể dựa trên các tiêu chuẩn sau:

* Mục đích, mục tiêu nghiên cứu rõ ràng.
* Quá trình nghiên cứu được chi tiết.
* Thiết kế nghiên cứu được hoạch định một cách chi tiết.
* Giới hạn (phạm vi nghiên cứu) nghiên cứu được trình bày rõ ràng.
* Đảm bảo tiêu chuẩn đạo đức nghiên cứu (sao chép, tự tạo dữ liệu).
* Kết quả nghiên cứu được trình bày một cách rõ ràng, rành mạch, không mơ hồ.
* Các kết luận được chứng mình, bình luận với các nghiên cứu trước có nền tảng và cơ sở vững chắc.
* Những kinh nghiệm của người nghiên cứu được phản ánh.

Trong quá trình quản lí hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, những đề tài có kết quả tốt cần được biểu dương, khen ngợi kịp thời và coi đây là một tiêu chí quan trọng để xếp loại giáo viên giỏi, giáo viên có thành tích xuất sắc, đồng thời động viên, khuyến khích GV/CBQLGD tích cực chuẩn bị cho các nghiên cứu tiếp theo, phổ biến kết quả cho GV trong trường và các trường khác học tập, áp dụng.

*Tổ chuyên môn cần khuyến khích tạo điều kiện để giáo viên tự học, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào hoạt động giảng dạy và giáo dục thực tiễn, đồng thời nhân rộng các mô hình, các nghiên cứu có tính ứng dụng thực tiễn.*

**Câu hỏi thảo luận**

*1.Tổ CM nơi thầy (cô) đang giảng dạy đã sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học chưa? Hãy cho biết sự khác biệt giữa sinh hoạt chuyên môn truyền thống và sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Thầy (cô) hãy cho biết quy trình tiến hành sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Những thuận lợi và khó khan trong quá trình thực hiện.*

*2. Hãy đánh giá chất lượng, hiệu quả trong sinh hoạt tổ chuyên môn nơi thầy (cô) đang giảng dạy và làm việc.*

*3. Từ lí luận và thực tiễn hoạt động tổ chuyên môn, thầy (cô) hãy xây dựng kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục THCS hiện nay.*